

Số: 536 /QĐ-ĐHTCQTKD

Hung Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chuẩn đầu ra trình độ đại học
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-TCQTKD ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành áp dụng chương trình đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 13 tháng 09 năm 2021 của Trường Đại học Tài chính - QTKD ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học đào tạo Trường về thông qua các chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ đại học sau rà soát, đánh giá, cải tiến tại cuộc họp ngày 28/09/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị
- Lưu: VT; QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 536/QĐ – ĐHTCQTKD ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

Phần 1: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Kế toán

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Kế toán
Tên Tiếng Anh: Accounting
- Mã ngành đào tạo: 7340301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Kế toán (Bachelor of Accounting)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị tốt, sức khỏe tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp kế toán; có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản lý và kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có phẩm chất chính trị tốt, sức khỏe tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp kế toán; có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;

- **MT2:** Vận dụng tốt những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị, quản lý và kinh doanh vào lĩnh vực kế toán;

- **MT3:** Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán trong mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- **MT4:** Có khả năng thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán;

- **MT5:** Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, thông thạo phần mềm chuyên dụng và sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong công việc.

- **MT6:** Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán;

- **MT7:** Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
<i>3.1.1</i>	<i>Kiến thức chung</i>	
CĐR1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước.	3/6
CĐR2	Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán	3/6
CĐR3	Vận dụng kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô để giải thích và suy đoán, dự báo về các sự kiện kinh tế xã hội trong nền kinh tế, trong các tình huống kinh tế cơ bản; nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô; mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô	3/6
CĐR4	Vận dụng các kiến thức về kinh tế thống kê, tài chính tiền tệ, marketing, pháp luật kinh tế... để giải thích, xử lý, điều hành các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị kế toán	3/6
CĐR5	Sử dụng thành thạo Tiếng Anh kinh tế để nghiên cứu các tài liệu nước ngoài liên quan phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị kế toán.	3/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR6	Sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
3.1.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CDR7	Vận dụng kiến thức về luật, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, thuế... vào hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp và tổ chức.	3/6
CDR8	Vận dụng kiến thức kế toán để thực hiện, thiết lập hệ thống thông tin kế toán theo yêu cầu quản trị và yêu cầu kế toán, đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, tổ chức và hội nhập quốc tế.	3/6
CDR9	Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán - kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức: Đánh giá mức độ tuân thủ chế độ kế toán, tình hình tài chính; phân tích, đánh giá một số quy trình kiểm toán và kiểm soát nội bộ; dự báo tài chính doanh nghiệp.	3/6
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
CDR10	Thực hiện thành thạo việc lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.	3/5
CDR11	Thực hiện thành thạo việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.	3/5
CDR12	Thực hiện thành thạo các phần mềm kế toán, kế toán trên Excel: nhập dữ liệu kế toán, xử lý thông tin trên phần mềm kế toán, cung cấp thông tin kế toán hữu ích cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp và yêu cầu cung cấp thông tin kế toán.	3/5
CDR13	Phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp.	3/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CĐR14	Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;	3/5
CĐR15	Thực hiện thành thạo việc lập, kê khai, quyết toán thuế trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;	3/5
CĐR16	Thực hiện thành thạo việc lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích kế toán một số nội dung chủ yếu.	3/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR17	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR18	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian.	4/5
CĐR19	Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm.	3/5
CĐR20	Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc.	3/5
CĐR21	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.	4/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR22	Chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác; có tinh thần tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Có năng lực triển khai công tác kế toán của kế toán trưởng.	3/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR23	Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với công việc được giao; chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.	4/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán viên, kế toán tổng hợp tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đơn vị HCSN và các các tổ chức.
- Nhân viên tư vấn kế toán, thuế và tài chính trong các công ty tư vấn thuế.
- Có khả năng đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng hoặc có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong doanh nghiệp, tổ chức (khi có kinh nghiệm thực tiễn).
- Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.
- Cử nhân ngành Kế toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên về kế toán tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao về chứng chỉ kế toán, kiểm toán trong và ngoài nước;
- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Phần 2: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Kiểm toán

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Kiểm toán
Tên Tiếng Anh: Auditing
- Mã ngành đào tạo: 7340302
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Kiểm toán (Bachelor of Auditing)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản lý và kinh doanh; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán; có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- **MT2:** Vận dụng tốt những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị, quản lý và kinh doanh vào lĩnh vực kiểm toán;
- **MT3:** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán trong mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- **MT4:** Thiết kế và điều hành hệ thống kiểm toán trong các đơn vị kiểm toán;
- **MT5:** Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, phần mềm chuyên dụng và ngoại ngữ (Tiếng Anh) vào trong công việc.
- **MT6:** Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán;
- **MT7:** Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
<i>3.1.1</i>	<i>Kiến thức chung</i>	
CDR1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh thể thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước	3/6
CDR2	Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.	3/6
CDR3	Vận dụng kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô để giải thích và suy đoán, dự báo về các sự kiện kinh tế xã hội trong nền kinh tế, trong các tình huống kinh tế cơ bản.	3/6
CDR4	Vận dụng các kiến thức về kinh tế thống kê, tài chính tiền tệ, marketing, pháp luật kinh tế... để nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kiểm toán.	3/6
CDR5	Sử dụng thành thạo Tiếng Anh kinh tế để nghiên cứu các tài liệu nước ngoài liên quan phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán.	3/6
CDR6	Sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
<i>3.1.2</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CDR7	Vận dụng có hiệu quả kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính trong các bối cảnh khác nhau.	3/6
CDR8	Hạch toán chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các loại hình doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp.	3/6
CDR9	Đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp.	3/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CĐR10	Đánh giá được hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp và tổ chức.	3/6
CĐR11	Tổ chức được công tác kiểm toán các khoản mục báo cáo tài chính hay chu trình cụ thể.	3/6
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR12	Thực hiện thành thạo việc lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.	3/5
CĐR13	Thực hiện thành thạo việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.	3/5
CĐR14	Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp, vận dụng tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị.	3/5
CĐR15	Phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp.	3/5
CĐR16	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính ở các phân hành cơ bản tương đương cấp độ trợ lý kiểm toán cấp 1.	3/5
CĐR17	Điều tra chọn mẫu, lập và thiết kế giấy làm việc kiểm toán; đọc, phân tích báo cáo tài chính; tra phát hiện sai phạm và tư vấn.	3/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR18	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR19	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian.	4/5
CĐR20	Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm.	3/5
CĐR21	Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc.	3/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR22	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.	4/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR23	Chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác; có tinh thần tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.	3/5
CDR24	Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với công việc được giao; chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.	4/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước.

- Kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, kế toán viên, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức.

- Cử nhân ngành Kiểm toán nếu được phát triển chuyên môn đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên về kế toán, kiểm toán tại các trường, viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ Kế toán – Kiểm toán trong và ngoài nước;

- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.

- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành kinh tế, Kế toán, Kiểm toán tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Phần 3: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Tài chính – ngân hàng
Tên Tiếng Anh: Finance - Banking
- Mã ngành đào tạo: 7340201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Tài chính – ngân hàng (Bachelor of Finance - Banking)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và quản trị, quản lý; có kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và các kỹ năng khác để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có năng lực tự học tập, nghiên cứu nhằm bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- **MT2:** Có được những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội vào lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;
- **MT3:** Phân tích được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;
- **MT4:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến tài chính tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh và hội nhập quốc tế;
- **MT5:** Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để phục vụ công việc;
- **MT6:** Có kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- **MT7:** Có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ.

- **MT8:** Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
3.1.1	Kiến thức chung	
CĐR1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng- an ninh thể thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận dụng nguyên lý, kỹ thuật của các môn học giáo dục thể chất vào việc rèn luyện, nâng cao sức khỏe để xây dựng và phát triển đất nước.	3/6
CĐR2	Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu của công việc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.	3/6
CĐR3	Vận dụng được các kiến thức thuộc khối ngành Kinh doanh và quản lý giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	3/6
CĐR4	Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
3.1.2	Kiến thức chuyên ngành	
CĐR5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá.	3/6
CĐR6	Phân tích được cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường.	4/6
CĐR7	Đánh giá được các chính sách tài chính và đề xuất các chính sách nhằm phát triển hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.	5/6
CĐR8	Giải quyết được các vấn đề về thuế, các chính sách thuế, các luật thuế cụ thể; tuân thủ các quy trình quản lý thuế của	3/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	cơ quan thế, các quy định về lập hồ sơ kê khai thuế; các kiến thức liên quan để quy trình hạch toán kế toán thuế.	
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR9	Nắm vững vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá.	3/5
CĐR10	Phát triển kiến thức lý luận hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá.	4/5
CĐR11	Giải quyết thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá.	4/5
CĐR12	Kết hợp kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá...	5/5
3.2.2.	Kỹ năng chung	
CĐR13	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR14	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian.	4/5
CĐR15	Xây dựng và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác của nhóm. Quản lý được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của thành viên trong nhóm.	3/5
CĐR16	Chủ động trong giao tiếp, thể hiện quan điểm cá nhân để giải quyết vấn đề và công việc.	3/5
CĐR17	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.	4/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR18	Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.	5/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
CĐR19	Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4/5
CĐR20	Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.	3/5
CĐR21	Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	5/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương;
- Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian;
- Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh – quản lý
- Các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Phần 4: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
Tên Tiếng Anh: Business Administration
- Mã ngành đào tạo: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (Bachelor of Business Administration)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kỹ năng mềm và năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- **MT2:** Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn vào lĩnh vực quản trị kinh doanh;
- **MT3:** Hiểu biết và áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về phân tích môi trường, thiết lập và phát triển các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, vận dụng được kiến thức để tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản trị marketing và quản trị kinh doanh du lịch;
- **MT4:** Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ;
- **MT5:** Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
3.1.1	<i>Kiến thức chung</i>	
CĐR1	Vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.	3/6
CĐR2	Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng và vận dụng nguyên lý kỹ thuật của các môn giáo dục thể chất như điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông, ...	3/6
CĐR3	Vận dụng các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.	3/6
CĐR4	Nắm vững và áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	3/6
CĐR5	Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
3.1.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CĐR6	Vận dụng kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh để phân tích, đánh giá, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính, ... của doanh nghiệp	3/6
CĐR7	Phân tích và vận dụng các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản trị doanh nghiệp, quản trị marketing và quản trị kinh doanh du lịch	4/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CĐR8	Đánh giá được môi trường kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành và kinh doanh của các tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa	5/6
CĐR9	Đề xuất các ý tưởng và dự án khởi nghiệp kinh doanh	6/6
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR10	Thực hiện được kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh	3/5
CĐR11	Lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: kế hoạch sản xuất và tác nghiệp, kế hoạch nhân sự, kế hoạch marketing, kế hoạch tài chính,...	3/5
CĐR12	Tổ chức triển khai các kế hoạch kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa	4/5
CĐR13	Đánh giá kết quả triển khai các kế hoạch kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp	4/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR14	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR15	Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa	4/5
CĐR16	Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc.	3/5
CĐR17	Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian	3/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR18	Tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức, đạo đức kinh doanh	4/5
CĐR19	Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.	4/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR20	Tự chủ và sẵn sàng chịu trách nhiệm trong công việc	3/5
CDR21	Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng	3/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng đảm nhận công việc chuyên môn như:

- Nhân viên kinh doanh hoặc quản lý kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; chuyên viên xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; phát triển thị trường;

- Chuyên viên và quản lý đào tạo và quản lý nhân lực; tuyển dụng nhân sự.

- Chuyên viên hoặc quản lý marketing trong doanh nghiệp: nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing, tổ chức sự kiện; phát triển và quản trị thương hiệu; chăm sóc khách hàng và quan hệ công chúng;

- Chuyên viên và quản lý kinh doanh du lịch, sales tour, điều hành tour, ... trong các doanh nghiệp lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch;

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân mình;

- Tự tạo lập doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân mình;

- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.

- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, Quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Phần 5: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Kinh tế

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Kinh tế
Tên Tiếng Anh: Economics
- Mã ngành đào tạo: 7310101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Kinh tế (Bachelor of Economics)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý kinh tế; quản trị các tổ chức có hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có kỹ năng chuyên môn về quản lý kinh tế (kỹ năng nghiên cứu và dự báo, phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá, lựa chọn các mô hình kinh tế, đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế của tổ chức, ngành hay địa phương). Cử nhân ngành Kinh tế có tư duy độc lập, có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức..
- **MT2:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị, xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất; Nắm vững kiến thức về tin học, có khả năng sử dụng các phần mềm tin học trong quản lý kinh tế; Có kiến thức trong lĩnh vực quản lý, quản trị các tổ chức có hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế;
- **MT3:** Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế của nền kinh tế, ngành hay địa phương;
- **MT4:** Có kỹ năng tư duy độc lập, làm việc nhóm; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong hoạt động quản lý kinh tế phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế;

- **MT5:** Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc; Có ý thức, trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hoạt động quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
<i>3.1.1</i>	<i>Kiến thức chung</i>	
CĐR1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN; kiến thức pháp luật Việt Nam; kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội để phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội trong thực tiễn;	3/6
CĐR2	Vận dụng những kiến thức cơ bản về toán kinh tế, tin học, pháp luật, kinh tế học, thống kê kinh tế, quản lý học...vào lĩnh vực quản lý kinh tế;	3/6
CĐR3	Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất; phát hiện, đấu tranh, phòng chống những âm mưu của các thế lực thù địch, chống phá cách mạng Việt Nam trong tình hình mới;	3/6
CĐR4	Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
<i>3.1.2</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CĐR5	Áp dụng được các quy luật kinh tế, pháp luật kinh tế, nguyên tắc quản lý kinh tế;	3/6
CĐR6	Giải quyết và vận hành các hoạt động kinh tế, quản lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường;	3/6
CĐR7	Phân tích các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế trong phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương	4/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR8	Dự đoán trước sự biến động của nền kinh tế và tác động của các chính sách kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế, ngành và địa phương	3/5
CĐR9	Phối hợp các phương pháp định tính và định lượng trong quá trình nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản cũng như trong lĩnh vực quản lý kinh tế	3/5
CĐR10	Phân tích, xử lý thông tin trong quản lý kinh tế hiện nay	4/5
CĐR11	Hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế	4/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR12	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR13	Áp dụng các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy độc lập, tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết tình huống kinh tế.	4/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR14	Chứng minh năng lực bản thân, lên kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.	3/5
CĐR15	Thể hiện quan điểm cá nhân, hiểu biết về trách nhiệm xã hội.	3/5
CĐR16	Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.	3/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Quản lý, nghiên cứu và tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, giảng viên các trường đại học trong khối ngành kinh tế.

- Nhân viên tư vấn cho các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ.

- Tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.

- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) của các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Phần 6: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế
Tên Tiếng Anh: International Business
- Mã ngành đào tạo: 7340120
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế (Bachelor of International Business)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, xã hội và pháp luật; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kinh doanh quốc tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế có kỹ năng về tiếng Anh, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên sâu về giải quyết vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Cử nhân ngành kinh doanh quốc tế có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc kinh doanh quốc tế, tự tin giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, tự chịu trách nhiệm trong công việc và có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế đào tạo sinh viên trở thành một cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có:

- **MT1:** Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức.
- **MT2:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế, khoa học, xã hội, tin học, chính sách, luật pháp của Đảng và nhà nước trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế;
- **MT3:** Có kỹ năng chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh quốc tế, chính sách ngoại thương, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, vận tải, bảo hiểm ngoại thương, thanh toán quốc tế....
- **MT4:** Có khả năng sử dụng ngoại ngữ; tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng phân tích và làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, có khả năng thích nghi với

sự thay đổi môi trường làm việc; có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

- **MT5:** Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và bổ sung các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu công việc; Có ý thức, trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hoạt động quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
3.1.1	Kiến thức chung	
CDR1	Vận dụng kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	3/6
CDR2	Hoàn thành các kiến thức về an ninh, quốc phòng, giáo dục thể chất để rèn luyện về tinh thần và thể chất	3/6
CDR3	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật, tài chính, kế toán và marketing, quản trị liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	3/6
CDR4	Sử dụng được các công cụ, phần mềm tin học trong thực hành công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	3/6
3.1.2	Kiến thức chuyên ngành	
CDR5	Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong hoạt động kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài cũng như đặc điểm và xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh quốc tế	4/6
CDR6	Vận dụng các kiến thức về tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương... để thực hiện các hoạt động kinh doanh quốc tế.	4/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CĐR7	Hoạch định tổ chức và quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp	4/6
CĐR8	Phân tích, đánh giá, dự đoán thị trường, xu hướng vận động và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh quốc tế	4/6
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR9	Thực hành các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng	3/5
CĐR10	Nắm vững quy trình thực hiện các tác nghiệp thương mại quốc tế	3/5
CĐR11	Thực hiện kỹ thuật đàm phán, giao dịch, lập báo cáo, thuyết trình, soạn thảo hợp đồng và thiết lập các văn bản chứng từ trong hoạt động ngoại thương	3/5
CĐR12	Điều chỉnh chiến lược, chính sách kinh doanh thương mại quốc tế	4/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR13	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	4/5
CĐR14	Thực hành và phối hợp các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổng hợp kinh nghiệm trong giải quyết các tình huống kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.	4/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR15	Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp	3/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR16	Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, chịu trách nhiệm và áp dụng trong hoạt động kinh doanh quốc tế	4/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên/ trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu/ thương mại trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Quản lý và giám sát bán hàng trong các công ty đa quốc gia/ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Nhân viên/ Trưởng phòng thanh toán quốc tế trong các ngân hàng thương mại.
- Làm việc tại các đơn vị và tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các quỹ đầu tư quốc tế.
- Nhân viên/ quản lý tại các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp đối ngoại và hợp tác quốc tế.
- Tự khởi nghiệp kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan đến kinh doanh quốc tế.
- Cán bộ, giảng viên tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo đại học khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
- Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ khả năng học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và các ngành thuộc khối ngành kinh tế, quản lý tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam.

Phần 7: Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tên Tiếng Việt: Hệ thống thông tin quản lý
Tên Tiếng Anh: Management Information Systems
- Mã ngành đào tạo: 7340405
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý (Bachelor of Management Information Systems)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý theo hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin quản lý; có đầy đủ các kỹ năng mềm và khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **MT1:** Có ý thức về đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia;
- **MT2:** Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh vào xây dựng và vận hành hệ thống thông tin quản lý;
- **MT3:** Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán;
- **MT4:** Có kỹ năng xác định, phân tích, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin quản lý, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức;
- **MT5:** Sử dụng được ngoại ngữ, các kỹ năng, phương pháp, công cụ liên quan để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ;
- **MT6:** Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.1	Yêu cầu về kiến thức	
3.1.1	<i>Kiến thức chung</i>	
CĐR1	Vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.	3/6
CĐR2	Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng và vận dụng nguyên lý kỹ thuật của các môn giáo dục thể chất như điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông, ...	3/6
CĐR3	Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.	3/6
CĐR4	Vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý, kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh trong công việc.	3/6
3.1.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CĐR5	Vận dụng kiến thức về phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán.	3/6
CĐR6	Phân tích các hệ thống thông tin trong tổ chức, doanh nghiệp.	4/6
CĐR7	Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập trình, lựa chọn và sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng Internet.	4/6
CĐR8	Thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh trong các doanh nghiệp và tổ chức.	5/6

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
3.2	Yêu cầu về kỹ năng	
3.2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
CĐR9	Nắm vững quy trình và thực hiện chuyển giao, hướng dẫn sử dụng các phần mềm thông dụng trong thương mại điện tử và hệ thống thông tin kế toán.	3/5
CĐR10	Lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính, thiết kế web phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.	3/5
CĐR11	Xác định, phân tích, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin.	4/5
CĐR12	Lập phương án tổ chức hệ thống thông tin cho doanh nghiệp, tổ chức.	5/5
3.2.2	Kỹ năng chung	
CĐR13	Sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ từ Bậc 3 trở lên trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3/5
CĐR14	Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa.	4/5
CĐR15	Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc.	3/5
CĐR16	Có khả năng quản lý bản thân, quản lý thời gian.	3/5
3.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR17	Tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp.	4/5
CĐR18	Định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.	4/5
CĐR19	Tự chủ và sẵn sàng chịu trách nhiệm trong công việc.	3/5
CĐR20	Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng.	3/5

* Theo các thang đo Bloom's Taxonomy, Dave và Krathwohl đo lường về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong đánh giá dạy học

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp;

- Làm quản lý hay chuyên gia hệ thống thông tin trong các công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin;

- Làm giảng viên hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống Kế toán, hệ thống thông tin phục vụ kinh doanh điện tử và các hệ thống thông tin quản lý khác;

- Chuyên viên Kế toán, thương mại điện tử, marketing điện tử, quản trị quan hệ khách hàng điện tử;

- Chuyên viên thu thập, lưu trữ, bảo mật, phân phối dữ liệu phục vụ kinh doanh điện tử;

- Làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoại thương, doanh nghiệp thương mại điện tử, doanh nghiệp phần mềm, phần cứng trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Có khả năng làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên môn tại các trường và các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu.